**Hướng dẫn sử dụng và Chấm điểm Sổ đầu bài cho Năm học 2025 – 2026 của Trường THCS Nguyễn Huệ**

Mục đích của việc chấm điểm chặt chẽ trong Sổ đầu bài là nhằm **nâng cao ý thức, tích cực học tập, rèn luyện** của học sinh. Sổ đầu bài còn là một trong những căn cứ để nhà trường kiểm tra công tác chuyên môn của giáo viên, đánh giá công tác chủ nhiệm, công tác thi đua lớp học và giải quyết các phản ánh kịp thời.

**1. Hướng dẫn ghi các cột chung:**

Đối với các cột (3) Môn học/Hoạt động giáo dục, (4) Tiết PPCT, (5) Tên bài, nội dung công việc, (6) Tên học sinh vắng mặt, (7) Nhận xét của giáo viên, và (9) Giáo viên ký tên, giáo viên cần tham khảo chi tiết trong mục **“HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ GHI ĐẦU BÀI”** ở trang cuối của sổ để thực hiện đúng.

**2. Hướng dẫn chấm điểm Cột số (8) – Xếp loại tiết học:**

Sổ hướng dẫn chấm điểm tiết học với thang điểm tối đa là **10 điểm**. Tiết học được xếp loại dựa trên 4 mục chính: (a) Học tập, (b) Kỷ luật, (c) Vệ sinh, và (d) Chuyên cần.

* Mỗi mục (a, b, c, d) có điểm tối đa là **2.5 điểm**.
* Xếp loại tiết học gồm: **Tốt, Khá, Trung bình, Yếu**.

**Chi tiết tiêu chí đánh giá và mức trừ điểm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục đánh giá (Điểm tối đa: 2.5)** | **Nội dung đánh giá** | **Mức trừ điểm cơ bản** |
| **(a) Học tập** | Học sinh chuẩn bị bài (bài cũ, soạn bài); dụng cụ học tập đầy đủ; tích cực xây dựng bài; kết quả học tập từ trung bình trở lên. | Một học sinh không thực hiện đúng 1 nội dung: **trừ 0,1 điểm**. |
| **(b) Kỷ luật** | Học sinh thực hiện đúng quy định về ngôn ngữ ứng xử, trang phục, và tuân thủ các quy định của giáo viên bộ môn, lớp học, nội quy nhà trường. | Một học sinh không thực hiện đúng 1 nội dung: **trừ 0,1 điểm**. |
| **(c) Vệ sinh** | Lớp học sạch sẽ; bàn ghế ngay ngắn, thẳng hàng; đồ dùng học tập của lớp, cá nhân, nhóm được để gọn gàng. | Một vị trí của lớp hoặc của cá nhân học sinh chưa thực hiện đúng: **trừ 0,1 điểm**. |
| **(d) Chuyên cần** | Đi học chăm chỉ, vào lớp đúng giờ; không bỏ tiết; nghỉ học phải có lý do chính đáng và có đơn xin phép. | Một học sinh chưa thực hiện đúng 1 nội dung: **trừ 0,1 điểm**. |

**Quy định trừ điểm cho trường hợp học sinh nghỉ học:**

1. **Nghỉ không có phép:** Trừ **0.5 điểm/1 học sinh**.
2. **Nghỉ có phép:**
   * Không trừ điểm trong **3 ngày** đầu.
   * Từ ngày thứ 4 trở lên, nếu không có sự đồng ý của Ban Giám hiệu thì sẽ bị trừ **0.5 điểm** (giống như nghỉ không phép).
3. **Nghỉ có phép vì đau ốm:** Không trừ điểm nếu học sinh phải nhập viện điều trị và có giấy nhập viện chứng minh.

Ban Hoạt động Giáo dục NGLL đề nghị các thầy cô giáo nghiên cứu kỹ hướng dẫn này để thực hiện đồng bộ trong toàn trường.

**Hướng dẫn chấm điểm thi đua lớp học và học sinh cho Năm học 2025 – 2026**

Hướng dẫn này phân chia các tiêu chí chấm điểm thành năm mục lớn: Các cuộc vận động/phong trào/hội thi, Hồ sơ/Sổ sách, Nề nếp Chi đội, Nề nếp Học sinh, và Điểm thưởng.

**I. Các Cuộc Vận Động, Phong Trào, Hội Thi (Tối đa 10 điểm/1 phong trào)**

* **Không tham gia hoạt động:** Lớp không có điểm và thông tin sẽ được gửi về Hội đồng Thi đua nhà trường.
* **Tham gia trễ thời gian quy định:** Trừ **1 điểm/1 ngày**.
* **Thiếu nội dung/số lượng theo yêu cầu:** Điểm được tính dựa trên kết quả tham gia thực tế (10 điểm chia số lượng yêu cầu nhân số lượng tham gia).
* **Đạt kết quả tốt trong các cuộc thi:**
  + **Trong toàn Liên đội:** Cộng từ **1 đến 5 điểm** tương ứng với kết quả đạt được (vị trí thứ 1 đến 5).
  + **Trong khối lớp:** Cộng điểm theo giải (Nhất: +2 điểm, Nhì: +1.5 điểm, Ba: +1 điểm, Khuyến khích: +0.5 điểm).

**II. Hồ Sơ, Sổ Sách (Tối đa 10 điểm/1 đợt thi đua)**

Phần này bao gồm các sổ sách như Sổ chi đội, sổ hội họp, hồ sơ đại hội chi đội, và sổ theo dõi các phong trào.

* **Nộp hồ sơ, sổ sách, báo cáo trễ:** Trừ **1 điểm/1 ngày**.
* **Nộp hồ sơ, sổ sách, báo cáo thiếu nội dung:** Trừ **0.5 điểm/1 nội dung**.
* **Nộp sổ sao đỏ hoặc sổ đầu bài trễ lần 1:** Trừ **1 điểm/lần**. Các lần trễ sau sẽ bị trừ điểm theo cấp số nhân.
* **Không nộp Sổ sao đỏ và Sổ đầu bài đúng quy định** (nộp về phòng Đội vào tiết 5 ngày thứ 6 hàng tuần): Trừ **2 điểm/lần**.
* **Không chấm điểm sao đỏ** (đầu giờ, giữa giờ, giờ chuyển tiết, chào cờ, sinh hoạt dưới cờ): Trừ **2 điểm/lần** điểm thi đua tuần.
* **Không tham gia họp Chi đội trưởng hoặc tham gia trễ/không nghiêm túc:** Trừ **2 điểm/lần**.

**III. Nề Nếp Chi Đội (Tối đa 10 điểm/tuần)**

Đây là các quy định về vệ sinh, trật tự, và bảo quản cơ sở vật chất của lớp học:

* **Chưa vệ sinh lớp trước khi vào học:** Trừ **3 điểm/lần**.
* **Vệ sinh trễ** (sau khi vào học hoặc sau khi tan học 5 phút): Trừ **2 điểm/lần**.
* **1 vị trí trong lớp chưa sạch** (bục giảng, sàn lớp, cửa gương, hộc bàn, hành lang, bồn hoa...): Trừ **0.5 điểm/1 vị trí**.
* **Đổ rác không đúng nơi quy định:** Trừ **2 điểm/lần**.
* **Thiếu dụng cụ dạy học/trực lớp** (lọ hoa, thước, que chỉ, phấn, khăn lau bảng,...) khi vào học: Trừ **1 điểm/nội dung**.
* **Mất trật tự trong giờ tự quản, khi di chuyển phòng học, hoặc khi ra về:** Trừ **2 điểm/lần**.
* **Không trực chào cờ, trực lễ theo phân công, hoặc ổn định lớp chậm:** Trừ **5 điểm/lần**.
* **Không có hoặc không đủ ghế/cất ghế không gọn gàng sau giờ chào cờ/lễ:** Trừ **5 điểm/lần**.
* **Xả rác ra sân trường giờ chào cờ hoặc sinh hoạt tập thể:** Trừ **5 điểm/lần**.
* **Để điện, quạt, điều hòa hoạt động không cần thiết:** Trừ **5 điểm/lần**.
* **Bàn ghế không ngay ngắn khi ra về:** Trừ **3 điểm/lần**.
* **Làm hỏng cơ sở vật chất của trường, lớp:** Tùy mức độ để trừ từ **5 điểm** đến mức **hạ thi đua đợt**.
* **Không khóa cửa phòng học** khi đi học phòng bộ môn: Trừ **5 điểm/lần**.

**IV. Nề Nếp Học Sinh (Đánh giá theo các mức độ vi phạm)**

Các hành vi vi phạm của học sinh sẽ bị trừ điểm thi đua của lớp theo tuần/đợt và bị hạ bậc hạnh kiểm hoặc trừ điểm rèn luyện của cá nhân học sinh.

**Các hành vi vi phạm nghiêm trọng:**

Các vi phạm như **hút thuốc lá/thuốc lá điện tử, bạo lực học đường, sử dụng chất kích thích, vi phạm an toàn giao thông, trèo tường rào, gây mất an ninh, tụ tập, hoặc mang hung khí** đến trường sẽ có mức xử lý nặng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hành vi vi phạm** | **Mức xử lý cho lớp** | **Mức xử lý cho học sinh** |
| **Bạo lực học đường** (Trường hợp nghiêm trọng hoặc tái phạm) | Trừ **10 điểm/1 trường hợp/đợt thi đua** | Hạ **2 bậc hạnh kiểm** hoặc xếp loại **hạnh kiểm yếu** trong học kì. |
| **Hút thuốc lá/Chất kích thích** | Hạ **1 đến 2 bậc** trong đợt thi đua hoặc học kì | Hạ từ **1 bậc hạnh kiểm** đến xếp loại **hạnh kiểm yếu**, lưu hồ sơ. |
| **Vi phạm ATGT** (Tái phạm hoặc mời phụ huynh) | Trừ **5 điểm/1 trường hợp/điểm đợt thi đua** | Hạ từ **2 bậc hạnh kiểm** hoặc xếp loại **hạnh kiểm yếu**. |
| **Sử dụng điện thoại/thiết bị thu phát sóng** trong lớp (Tái phạm) | Trừ **5 điểm/1 trường hợp/điểm đợt thi đua** | Hạ **1 đến 2 bậc hạnh kiểm**. |

**Các vi phạm nề nếp khác (Trừ 2 đến 5 điểm/lần điểm tuần của lớp):**

Các lỗi phổ biến như:

* **Không mặc đúng đồng phục, không mang bảng tên:** Trừ **2 điểm/lần**.
* **Đá bóng, đi xe đạp trong sân trường, đi học trễ, làm việc riêng trong giờ học, tự ý lên khu vực khác:** Trừ **2 điểm/lần**.
* **Xả rác bừa bãi, ngồi/chạy nhảy trên bàn ghế, viết/vẽ bậy, ăn hàng không đúng nơi quy định:** Trừ **2 điểm/lần**.
* **Nói tục, chửi thề, không nghiêm túc/không tham gia chào cờ:** Trừ **5 điểm/lần**.

**V. Điểm Thưởng (Tối đa 2 điểm)**

* **Tiết học tốt** (dựa trên hướng dẫn chấm Sổ đầu bài đã đề cập trong cuộc trò chuyện trước):
  + 16 đến 17 tiết học tốt: Cộng **0.5 điểm**.
  + 18 đến 19 tiết học tốt: Cộng **1 điểm**.
  + 20 đến 21 tiết học tốt: Cộng **1.5 điểm**.
  + 22 tiết học tốt: Cộng **2 điểm**.
* **Làm được việc tốt có sức lan tỏa và ảnh hưởng tích cực** đến tinh thần học tập, rèn luyện của học sinh: Cộng từ **0.5 đến 2 điểm** (do BGH và các bộ phận liên quan đánh giá).

**VI. Cách Tính Điểm Thi Đua Tuần của Lớp**

Công thức tính điểm thi đua tuần của lớp là: $$(\text{Sổ đầu bài} \times 2) + \text{Nề nếp} + \text{Điểm sao đỏ} + \text{Điểm thưởng}$$

**Xếp loại thi đua tuần:**

* Từ **32 điểm trở lên**: Xếp loại **Tốt**.
* Từ **26 đến 31.9 điểm**: Xếp loại **Khá**.
* Từ **20 đến 25,9 điểm**: Xếp loại **Trung bình**.
* Từ **19.9 điểm trở xuống**: Xếp loại **Kém**.

**Quy định chấm điểm Sao đỏ hàng ngày cho Năm học 2025 - 2026,**

với tổng điểm được phân bổ vào ba mục chính: Vệ sinh, Nề nếp/Trang phục/Tác phong, và Tự quản.

**Lưu ý quan trọng:** Trong quá trình chấm điểm, nếu các lớp vi phạm nhiều lỗi, điểm chấm có thể là **điểm âm**.

**1. Vệ sinh (Tổng điểm 2 điểm)**

Các quy định và mức trừ điểm liên quan đến vệ sinh:

* **Vệ sinh lớp:** Cần hoàn thành việc vệ sinh sạch sẽ bên trong lớp và hành lang lớp **trước khi có trống hiệu 15 phút đầu giờ**.
  + Làm vệ sinh trễ sau giờ vào lớp: **Trừ 1 điểm/1 phút trễ**.
* **Vị trí không sạch sẽ:** Góc lớp, bục giảng, hộc bàn, hành lang trước và sau lớp học, cửa gương, cửa sổ, nơi nào không sạch sẽ: **Trừ 0.5 điểm**.

**2. Nề nếp, Trang phục, Tác phong (Tổng điểm 4 điểm)**

**a. Áo quần, Tác phong**

* **Đồng phục:** Học sinh đến trường phải mặc áo sơ mi trắng, quần xanh, mang thắt lưng sẫm màu, dép có quai sau.
* **Các lỗi trừ điểm:**
  + Không mặc đồng phục theo quy định: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
  + Không mang trang phục nghiêm túc: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
  + Mặc quần lưng xệ hoặc không mang thắt lưng: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
  + Uốn, vuốt keo hoặc nhuộm tóc màu: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
  + Trang điểm khi đến trường hoặc sơn móng tay, chân: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.

**b. Xếp hàng Tập thể dục giữa giờ**

* Tập không nghiêm túc: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Không tập thể dục: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.

**c. Bảng tên, Khăn quàng**

* Bảng tên và phù hiệu phải theo quy định của nhà trường và đúng tên, lớp đang học.
* Không đeo bảng tên đúng quy định: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Không đeo bảng tên: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.

**3. Tự quản (Tổng điểm 4 điểm)**

Giờ tự quản bao gồm 15 phút đầu giờ, các giờ chuyển tiết, ra chơi vào lớp và tiết sinh hoạt tự quản.

**a. Sinh hoạt Đầu giờ, Giữa giờ**

* Không tham gia sinh hoạt tự quản của lớp: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Không nghiêm túc khi sinh hoạt tự quản: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Nói tục, chửi thề, vi phạm phong trào nếp sống văn hóa học đường: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.

**b. Xếp hàng vào lớp, Ra về**

* Xếp hàng không nghiêm túc: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Không xếp hàng: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.
* Đi học trễ, vào xếp hàng chậm: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Đi học trễ sau khi lớp xếp hàng: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.

**c. Tự quản, Ăn quà vặt**

* Chạy tự do ra khỏi chỗ giờ 15 phút đầu giờ: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Chạy ra khỏi lớp giờ tự quản không có lý do phù hợp: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Lớp ồn giờ tự quản hoặc khi vắng thầy cô: **Trừ 1 điểm**.
* Sử dụng điện thoại – máy ảnh – máy nghe nhạc trong lớp, trong khuôn viên trường (kể cả ngày học thể dục hoặc đi học tăng cường, sinh hoạt ngoại khóa): **Trừ 1 điểm**.
* Đưa đồ ăn và nước ngọt lên lớp học và khu vực hành lang: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.

**d. Chào cờ**

* Nói chuyện hoặc làm việc riêng một lần: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Hát Quốc ca, Đội ca không nghiêm túc: **Trừ 0.5 điểm/1 học sinh**.
* Không chào cờ: **Trừ 1 điểm/1 học sinh**.
* Tập thể lớp hát Quốc ca, Đội ca không nghiêm túc: **Hạ một bậc thi đua trong tuần**.

**Quy định nộp Sổ Sao đỏ và Xử lý trễ hạn**

* **Thời gian nộp:** Sổ sao đỏ phải được nộp vào **tiết thứ 5 ngày thứ 6 hàng tuần**.
* **Nộp trễ lần 1:** Trừ **5 điểm** trên tổng số điểm của lớp trong tuần.
* **Nộp trễ các lần sau:** Trừ điểm theo **cấp số nhân**.

*Lưu ý: Quy định về việc không nộp Sổ sao đỏ đúng quy định (trừ 2 điểm/lần) cũng đã được đề cập trong Hướng dẫn thi đua trước đó của chúng ta [6, Hướng dẫn thi đua, II].*

**Nội quy nhà trường áp dụng cho Năm học 2025 - 2026 của Trường Trung học Cơ sở (THCS) Nguyễn Huệ**

**I. Đến Trường**

**1. Trang phục và Nề nếp**

* **Đồng phục:** Học sinh phải mặc đúng trang phục quy định (Quần xanh, áo trắng, mang nịt sẫm màu, có bảng tên). Phải đi giày hoặc dép có quai sau. Nữ sinh có thể mặc váy nhưng chiều dài phải **che gối**. Giờ học thể dục phải mặc đồng phục thể dục theo quy định.
* **Cấm kỵ:** Không mang đồ trang sức, không hút thuốc lá, thuốc lá điện tử, không mang quà bánh vào lớp, không chơi bài, không chơi trò chơi ăn tiền hoặc cá độ. Không mang sách, truyện có nội dung không lành mạnh và hung khí đến trường (sẽ bị thu giữ và không trả lại). Không mang chất nổ, chất dễ cháy đến trường.
* **Điện thoại và thiết bị:** Không sử dụng điện thoại, các loại máy thu phát tín hiệu/hình ảnh khi ở trong trường. Nếu mang theo để liên lạc với cha mẹ, phải **tắt nguồn** khi vào khu vực sân trường. Việc sử dụng điện thoại cá nhân chỉ được phép khi có sự đồng ý và có mặt của giáo viên.
* **Thực phẩm:** Tuyệt đối không mang đồ ăn và nước ngọt lên khu vực phòng học.
* **Đi trễ:** Học sinh vào lớp muộn quá **5 phút** (bất cứ tiết học nào) mà không có lý do chính đáng sẽ không được vào lớp và phải ngồi đợi tại **phòng Đội**.

**2. An toàn Giao thông và Khuôn viên**

* **ATGT:** Không đi xe máy và xe máy điện. Không dàn hàng ngang, lạng lách, đánh võng. Luôn đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy do phụ huynh đưa đón.
* **Khu vực cổng trường:** Không đi xe trong sân trường. Không lên – xuống xe phụ huynh đưa đón trong khoảng cách **20m tính từ hai bên cổng trường**. Phụ huynh chỉ được đón trong sân trường tại khu vực quy định.
* **Ứng xử:** Phải có cử chỉ lời nói văn hóa, lịch sự. Chào hỏi lễ phép với thầy cô, cán bộ, nhân viên và khách đến trường. Không nói tục, gây gổ, đánh chửi bạn, hoặc đặt biệt danh xấu cho bạn.
* **Trật tự:** Không đá cầu, đá bóng trong lớp và dọc hành lang. Không xô đẩy nhau, không ngồi lên thành lan can hành lang, cầu thang, cổng, rào.
* **Bảo vệ tài sản:** Bảo vệ tài sản, vườn hoa cây cảnh. Không lấy vật dụng không phải của mình. Nhặt được của rơi phải gửi cho TPT Đội hoặc nhân viên Y tế. Giữ gìn vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định, không viết vẽ bậy.
* **Trách nhiệm bồi thường:** Làm hỏng tài sản của trường sẽ quy trách nhiệm cá nhân hoặc tập thể lớp và **phải bồi thường**.

**II. Trong Lớp**

* **Chuẩn bị:** Học sinh phải học bài, làm bài tập đầy đủ và có đủ dụng cụ học tập.
* **Giờ học:** Khi có trống vào lớp phải khẩn trương về chỗ ngồi, không đứng ngoài chờ giáo viên. Ngồi đúng vị trí theo sơ đồ. Khi giáo viên vào lớp, học sinh phải đứng dậy nghiêm trang chào.
* **Kỷ luật học tập:** Phải chú ý nghe giảng, ghi chép và làm bài nghiêm túc. Tuyệt đối không được làm việc riêng. Làm mất trật tự sẽ bị xử lý và ảnh hưởng đến kết quả rèn luyện đạo đức.
* **Di chuyển:** Giờ chuyển tiết có thể đi lại trong lớp nhưng không ra hành lang. Di chuyển đến phòng học bộ môn phải đi ngay đầu giờ chuyển tiết, **đi theo hàng 1** và giữ trật tự.
* **Đi vệ sinh:** Giờ chuyển tiết hoặc trong tiết học chỉ được đi **1 bạn 1 lần**.
* **Sổ Đầu bài:** Do lớp phó học tập bảo quản, ghi chép các mục quy định. Cuối mỗi buổi phải gửi lại **phòng Đội** và **không được phép đưa về nhà**.
* **Nghỉ học và Chuyên cần:** Đi học phải chuyên cần, đúng giờ. Nghỉ học phải có xin phép của phụ huynh (qua VnEdu hoặc đơn trực tiếp). Nghỉ học không phép **3 ngày** sẽ chuyển quyền xử lý lên Hội đồng kỷ luật nhà trường.
* **Đau ốm:** Học sinh đau ốm phải báo giáo viên và đi cùng bạn Chữ thập đỏ xuống phòng y tế. Nếu cần về nhà, nhân viên y tế sẽ trực tiếp liên hệ phụ huynh đến phòng y tế đón (Phụ huynh không được lên lớp học).

**III. Hoạt Động Ngoại Khóa**

* **Hoạt động lớp:** Các hoạt động ngoại khóa của lớp (dã ngoại, liên hoan, thể thao...) ngoài kế hoạch chung của trường phải báo cáo xin ý kiến của Giáo viên chủ nhiệm và Ban Giám hiệu.
* **Tham quan/Du lịch:** Phải thông qua kế hoạch với BGH, được cha mẹ học sinh đồng ý, và có GVCN cùng đại diện cha mẹ học sinh đi cùng.
* **Giờ giới hạn:** Học sinh không được tự ý đến trường ngoài buổi học. Không được ở lại trường **sau 19h**.

**IV. Biện Pháp Xử Lý Kỷ Luật**

* Học sinh vi phạm nội quy, tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị **nhắc nhở, phê bình, khiển trách,** hoặc **cảnh cáo trước lớp**.
* **Cảnh cáo:** Trường hợp bị cảnh cáo trước lớp, học sinh phải **làm bản kiểm điểm** và **mời cha mẹ đến trường** để bàn bạc biện pháp giáo dục.
* **Tiếp tục vi phạm:** Nếu học sinh tiếp tục vi phạm, Giáo viên chủ nhiệm sẽ làm hồ sơ chuyển **Hội đồng kỷ luật trường xử lý**.
* Nếu học sinh không chịu sửa chữa khuyết điểm (sau khi đã thông báo cho cha mẹ), nhà trường sẽ thực hiện các biện pháp kỷ luật theo điều lệ nhà trường.

**Danh sách phòng học của các lớp học tại Trường THCS Nguyễn Huệ**

**Năm học 2025 – 2026**

Danh sách phòng học được sắp xếp theo Khối lớp và Số phòng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Khối lớp** | **Phòng học** |
| **Khối 6** |  |
| 6/1-2 | PHÒNG 2 |
| **Khối 6** |  |
| 6/1-2 | PHÒNG 24 |
| 6/3-4 | PHÒNG 23 |
| 6/5-6 | PHÒNG 13 |
| 6/7-8 | PHÒNG 14 |
| 6/9-10 | PHÒNG 15 |
| 6/11-12 | PHÒNG 16 |
| **Khối 7** |  |
| 7/1-2 | PHÒNG 17 |
| 7/3-4 | PHÒNG 18 |
| 7/5-6 | PHÒNG 19 |
| 7/7-8 | PHÒNG 20 |
| 7/9-10 | PHÒNG 21 |
| 7/11-12 | PHÒNG 22 |
| **Khối 8** |  |
| 8/1-2 | PHÒNG 1 |
| 8/3-4 | PHÒNG 2 |
| 8/5-6 | PHÒNG 3 |
| 8/7-8 | PHÒNG 4 |
| 8/9-10 | PHÒNG 5 |
| 8/11-12 | PHÒNG 6 |
| 8/13-14 | PHÒNG 25 |
| **Khối 9** |  |
| 9/1-2 | PHÒNG 7 |
| 9/3-4 | PHÒNG 8 |
| 9/5-6 | PHÒNG 9 |
| 9/7-8 | PHÒNG 10 |
| 9/9-10 | PHÒNG 11 |
| 9/11-12 | PHÒNG 12 |

**Các phòng chức năng liên quan:**

* Phòng Tin học nằm ở **PHÒNG 26** và một phòng Tin học khác được ghi chú không số phòng cụ thể.
* Phòng Âm nhạc cũng được liệt kê trong sơ đồ.

Các phòng học được phân bố tại các khu vực **KHU B**, **KHU C**, và **KHU D**.